

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ.ST  
Ngày: 06 - 9 - 2019  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mười Hai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tú Anh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Kim Hồ

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long***  
*(không thuộc trường hợp tham tham gia phiên tòa sơ thẩm).*

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 140/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Út M**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 05, ấp T V, xã T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Từ Văn B**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 14, ấp T L, xã T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/5/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út M trình bày: Chị và anh Từ Văn B qua tìm hiểu đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Q vào ngày 18/02/2009, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lời nói và trong sinh hoạt, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh B đã chung sống và con với người phụ khác, vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân khoảng 03 năm nay. Quá trình chung sống, chị và anh B có hai con chung tên là Từ Văn N (sinh ngày 19/01/1999), Từ Thị Kim A (sinh ngày 29/7/2005) hiện đang sống chung với bà ngoại. Về nợ chung và tài sản: Chị và anh B không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Út M yêu cầu được ly hôn với anh B, được nuôi con chung chưa thành niên là Từ Thị Kim A, chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, chị Út M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định mâu thuẫn giữa chị và anh B xảy ra đã lâu, anh B không còn quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm, anh B đã lập gia đình và có con với người phụ nữ khác, hiện chị cũng đã có con với người đàn ông khác nên mỗi người đều có cuộc sống riêng. Hiện nay chị không có thu nhập, anh B cũng không có thu nhập ổn định. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Nguyễn Thị Út M yêu cầu được ly hôn với anh Từ Văn B, anh B có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh B đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 16/8/2019, ngày 06/9/2019 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh B là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét chị Út M và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã không còn

quan tâm đến nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B và chị Út M đều có cuộc sống riêng và không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Út M được ly hôn với anh B là có căn cứ.

[3] Xét về con chung chưa thành niên tên là Từ Thị Kim A (sinh ngày 29/7/2005) hiện đang sống chung với bà ngoại từ lúc vợ chồng ly thân, cuộc sống của cháu đã ổn định, là bé gái cháu, Kim A có nguyện vọng được sống chung với mẹ, anh B cũng không có thu nhập ổn định, anh B chưa có ý kiến hay yêu cầu nuôi con chung, để đảm bảo cho việc chăm sóc con chung phát triển tốt nhất về mặt tâm lý và thể chất vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Út M tiếp tục chăm sóc con chung là phù hợp. Đối với con chung là Từ Văn N đã thành viên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Út M không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[4] Xét về nợ chung và tài sản chung: Chị Út M, anh B không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Út M phải nộp án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Út M.

1.1. Về hôn nhân: Chị Út M được ly hôn với anh Từ Văn B.

1.2. Về con chung: Công nhận cho chị Út M được tiếp tục nuôi con chung tên là Từ Thị Kim A (sinh ngày 29/7/2005). Anh B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Út M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0015494 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã T Q: 01 (h.B T, tỉnh Vĩnh Long);
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mười Hai**